TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp TT, xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn U, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp CĐ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Văn U chung sống năm 2013 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cách đây khoảng một năm giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh U không lo làm ăn, chị khuyên ngăn thì anh U đánh. Chị N xác định không còn tình cảm với anh U nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Đặng Minh K, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn U nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Văn U đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh U là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Văn U chung sống năm 2013 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh U.

[3] Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay cháu sống chung với chị N, vẫn phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Anh U không có ý kiến thể hiện có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Phạm Thị N và anh Đặng Văn U là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh K, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Đặng Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009350 ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng